

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1965 /BGDDT-TĐKT

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2022

V/v hướng dẫn tổ chức hoạt động, xếp loại tập thể và bình xét thi đua, khen thưởng các đơn vị trực thuộc Bộ

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT ngày 31/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục và Kế hoạch số 1374/KH-BGDĐT ngày 02/01/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” ngành Giáo dục giai đoạn 2020 - 2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tổ chức hoạt động, xếp loại tập thể và bình xét thi đua, khen thưởng các đơn vị trực thuộc Bộ từ năm học 2021 - 2022 và năm 2022 như sau:

I. PHÂN CHIA CỤM THI ĐUA

1. Các đơn vị trực thuộc Bộ được chia làm 08 Cụm thi đua như sau:

1.1. Cụm 1, gồm 3 đơn vị: Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng, Đại học Thái Nguyên.

1.2. Cụm 2, gồm 5 đơn vị: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Cụm 3, gồm 8 đơn vị: Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội, Học viện Quản lý Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Cụm 4, gồm 7 đơn vị: Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Ngoại thương, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

1.5. Cụm 5, gồm 7 đơn vị: Trường Đại học Giao thông vận tải, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Xây dựng, Trường Đại học Mở - Địa chất, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Mở Hà Nội.

1.6. Cụm 6, gồm 9 đơn vị: Trường Đại học Kiên Giang, Trường Đại học Đà Lạt, Trường Đại học Đồng Tháp, Trường Đại học Nha Trang, Trường Đại học Quy Nhơn, Trường Đại học Tây Nguyên, Trường Đại học Việt Đức, Trường Đại học Hà Nội, Trường Đại học Tây Bắc.

1.7. Cụm 7, gồm 7 đơn vị: Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc, Trường Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn, Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương, Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương Nha Trang, Trường Dự bị Đại học Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Hữu nghị T78, Trường Hữu nghị 80.

1.8. Cụm 8, gồm 11 đơn vị: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Viện Nghiên cứu Thiết kế trường học, Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán, Báo Giáo dục và Thời đại, Tạp chí Giáo dục, Trung tâm Hỗ trợ đào tạo và Cung ứng nhân lực, Trung tâm Đào tạo khu vực của tổ chức SEAMEO tại Việt Nam, Trung tâm khu vực về học tập suốt đời của tổ chức SEAMEO tại Việt Nam, Ban Quản lý các Dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

2. Các Đại học vùng và Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam chủ động quyết định việc phân chia các đơn vị thành viên trực thuộc thành các cụm thi đua cho phù hợp với tình hình thực tế, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua đơn vị Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Giáo dục) để theo dõi.

II. TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CỤM THI ĐUA

1. Tổ chức

1.1. Cụm thi đua có Cụm trưởng, Cụm phó và các đơn vị thành viên. Năm học 2021 - 2022 và năm 2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo phân công Cụm trưởng, Cụm phó như sau:

TT	Cụm	Cụm trưởng	Cụm phó
1.	Cụm 1	Đại học Thái Nguyên	Đại học Huế
2.	Cụm 2	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên
3.	Cụm 3	Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh	Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương
4.	Cụm 4	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Trường Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh
5.	Cụm 5	Trường Đại học Mở Hà Nội	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
6.	Cụm 6	Trường Đại học Hà Nội	Trường Đại học Quy Nhơn
7.	Cụm 7	Trường Hữu nghị T78	Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương Nha Trang
8.	Cụm 8	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Báo Giáo dục và Thời đại

Các năm tiếp theo, Cụm trưởng và Cụm phó được bầu chọn luân phiên trong dịp tổng kết, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận. Cụm trưởng tổ chức điều hành hoạt động của Cụm ngay sau khi được phân công.

1.2. Bộ phận phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị trực thuộc Bộ là cơ quan thường trực giúp việc Cụm trưởng, Cụm phó và thành viên trong cụm.

2. Nhiệm vụ

2.1. Cụm trưởng

a) Chủ trì xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của cụm thi đua; phối hợp với các đơn vị thành viên cụ thể hóa tiêu chí thi đua phù hợp với chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thành viên trong cụm thi đua;

b) Chủ trì tổ chức trao đổi nghiệp vụ, học tập kinh nghiệm, tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất các biện pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và công tác thi đua, khen thưởng;

c) Chủ trì thảo luận, góp ý cho kết quả tự chấm điểm của các đơn vị trong cụm, đề xuất các tập thể được tặng Cờ thi đua cấp Bộ và Bằng khen Bộ trưởng;

d) Chủ trì tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ, Hội nghị tổng kết năm và các hoạt động khác của cụm; báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động của cụm, kết quả bầu chọn Cụm trưởng, Cụm phó về Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

2.2. Cụm phó

a) Phối hợp với Cụm trưởng xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của cụm theo quy định;

b) Phối hợp với Cụm trưởng tổ chức các hoạt động của Cụm, tổng hợp kết quả tự chấm điểm thi đua, đề nghị khen thưởng;

c) Thay mặt Cụm trưởng giải quyết công việc khi được Cụm trưởng ủy quyền.

2.3. Các đơn vị thành viên

a) Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các cuộc họp do Cụm trưởng triệu tập;

b) Tham gia xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm;

c) Tham gia xây dựng tiêu chí thi đua phù hợp với chức năng nhiệm vụ của đơn vị;

d) Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của cụm;

đ) Chủ động phát hiện các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến; tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các điển hình tiên tiến, cách làm mới có hiệu quả trong phong trào thi đua;

e) Báo cáo kết quả thực hiện các lĩnh vực công tác kèm minh chứng, tự chấm điểm thi đua, thống nhất kết quả chấm điểm trong Cụm, gửi về Bộ Giáo dục

và Đào tạo (qua các đơn vị thuộc Bộ được phân công đánh giá, chấm điểm thẩm định) theo quy định.

3. Hoạt động của cụm thi đua

3.1. Cụm thi đua làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, biểu quyết theo đa số.

3.2. Cụm trưởng được sử dụng con dấu của đơn vị mình để phục vụ cho các hoạt động của cụm. Kinh phí cho hoạt động của Cụm thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3.3. Hội nghị triển khai nhiệm vụ

a) Thành phần

- Đại diện Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Giáo dục;
- Đại diện lãnh đạo các đơn vị trong cụm thi đua;
- Chuyên viên phụ trách công tác thi đua, khen thưởng các đơn vị trong Cụm thi đua.

b) Nội dung

- Trao đổi chuyên môn nghiệp vụ, học tập kinh nghiệm, tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các điển hình tiên tiến giữa các đơn vị thành viên trong Cụm thi đua;

- Cụ thể hóa tiêu chí xét thi đua của Cụm phù hợp với chức năng nhiệm vụ của các thành viên trong cụm và theo yêu cầu của phong trào thi đua.

c) Thời gian tổ chức Hội nghị: Trước ngày 30 tháng 10 hằng năm đối với các cụm từ 1 đến 7 và trước ngày 30 tháng 3 hằng năm đối với Cụm 8.

d) Hình thức tổ chức Hội nghị: Trực tiếp, trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác do Cụm trưởng quyết định.

3.4. Hội nghị tổng kết năm

a) Thành phần

- Đại diện Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Giáo dục;
- Đại diện lãnh đạo các đơn vị trong Cụm thi đua;
- Chuyên viên phụ trách công tác thi đua, khen thưởng các đơn vị trong cụm thi đua.

b) Nội dung

- Thông qua dự thảo báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng của năm và phương hướng nhiệm vụ năm tới của cụm;

- Góp ý cho kết quả tự đánh giá, chấm điểm kết quả thi đua của các đơn vị trong cụm, đề xuất các tập thể được tặng Cờ thi đua cấp Bộ và Bằng khen Bộ trưởng;

- Bầu Cụm trưởng, Cụm phó năm tiếp theo.

c) Trước khi tiến hành Hội nghị tổng kết năm, Cụm trưởng chủ trì tổ chức họp trừ bì để thống nhất các nội dung trên.

d) Thời gian hoàn thành tổ chức Hội nghị tổng kết năm và gửi báo cáo tổng hợp kết quả tự chấm điểm, đề nghị xét khen thưởng về các đơn vị thuộc Bộ được giao đánh giá và đơn vị Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Giáo dục: Trước ngày 31 tháng 8 hằng năm đối với các cụm từ 1 đến 7 và trước ngày 31 tháng 01 hằng năm đối với Cụm 8.

đ) Hình thức tổ chức họp trừ bì và Hội nghị tổng kết năm: Trực tiếp, trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác do Cụm trưởng quyết định.

3.5. Trước khi tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ và Hội nghị tổng kết năm, Cụm trưởng gửi giấy mời về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua đơn vị Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Giáo dục) để tham mưu lãnh đạo Bộ và một số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành tham dự.

3.6. Ngoài hai Hội nghị nêu trên, căn cứ Chỉ thị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ năm học của ngành Giáo dục, Cụm trưởng Cụm thi đua chủ động xem xét, quyết định tổ chức các hoạt động tọa đàm, giao lưu, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ; học tập, trao đổi kinh nghiệm, cách làm hiệu quả để nâng cao chất lượng hoạt động của Cụm.

III. TIÊU CHÍ THI ĐUA VÀ ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung các tiêu chí thi đua, yêu cầu minh chứng và điểm đánh giá các cụm thi đua

1.1. Danh mục tiêu chí thi đua các cụm từ Cụm 1 đến Cụm 6 (Phụ lục 1).

1.2. Danh mục tiêu chí thi đua Cụm 7 (Phụ lục 2).

1.3. Danh mục tiêu chí thi đua Cụm 8 (Phụ lục 3).

2. Nguyên tắc và cách chấm điểm

2.1. Nguyên tắc chấm điểm

a) Tổng số điểm trong danh mục tiêu chí chấm điểm là:

- Cụm 1 và Cụm 2 đến Cụm 6: Tổng số điểm trong danh mục tiêu chí chấm điểm là 2.150 điểm;

- Cụm 7: Tổng số điểm trong danh mục tiêu chí chấm điểm là 1.750 điểm;

- Cụm 8: Tổng số điểm trong danh mục tiêu chí chấm điểm là 800 điểm đối với 05 đơn vị (Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Viện Nghiên cứu thiết kế trường học, Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán, 02 Trung tâm SEAMEO); 600 điểm đối với 06 đơn vị (Báo Giáo dục và Thời đại, Tạp chí Giáo dục, Trung tâm Hỗ trợ đào tạo và cung ứng nhân lực, Ban Quản lý các Dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Cán bộ quản lý Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam).

b) Không xét khen thưởng hoặc hạ bậc khen thưởng đối với các đơn vị để xảy ra vi phạm đặc biệt nghiêm trọng theo kết luận của cấp có thẩm quyền.

2.2. Cách chấm điểm

a) Chấm điểm theo danh mục tiêu chí đánh giá thi đua

- Mức 1: Không đạt yêu cầu: Không đáp ứng được yêu cầu tiêu chí hoặc không có tài liệu, minh chứng cho kết quả;

- Mức 2: Không đạt điểm tối đa: Thực hiện chưa đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chí hoặc các minh chứng chưa đầy đủ, chưa rõ ràng. Số điểm sẽ tính bằng số điểm tối đa nhân với phần trăm công việc đạt được hoặc minh chứng đưa ra (ví dụ: chỉ hoàn thành 80% nhiệm vụ hoặc chỉ có 80% minh chứng và số điểm tối đa của tiêu chí là 50 thì đơn vị chỉ đạt: 80% của 50 điểm là 40 điểm);

- Mức 3: Đạt điểm tối đa: Thực hiện đầy đủ yêu cầu của tiêu chí, có các minh chứng rõ ràng, thuyết phục.

b) Quy định về điểm thưởng và điểm trừ

Ngoài số điểm theo quy định, các Cụm thi đua và các đơn vị thuộc Bộ khi chấm điểm hoặc chấm thẩm định được cho các đơn vị điểm thưởng hoặc điểm trừ không vượt quá 20% tổng số điểm của từng lĩnh vực/tiêu chí có liên quan. Cụ thể:

- Điểm thưởng: Dành cho các đơn vị có thành tích vượt trội, có sáng tạo trong việc thực hiện lĩnh vực công tác, có ý nghĩa lan tỏa trong toàn ngành hoặc có sự vươn lên vượt bậc so với năm trước;

- Điểm trừ: Dành cho các đơn vị có vi phạm làm ảnh hưởng tới môi trường giáo dục của ngành.

IV. XẾP LOẠI TẬP THỂ, BÌNH XÉT THI ĐUA VÀ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

1. Xếp loại “Tập thể Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, “Tập thể Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”

1.1. Tập thể được xếp loại “Tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ” và đề xuất công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” khi đạt được các tiêu chí sau:

a) Có tổng số điểm đánh giá của các đơn vị thuộc Cơ quan Bộ đạt từ 70% tổng số điểm tối đa theo quy định tại mục III văn bản này.

b) Có trên 50% cá nhân trong tập thể được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên; không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

1.2. Tập thể được xếp loại “Tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” và đề xuất công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” khi đạt được các tiêu chí sau:

a) Có tổng số điểm đánh giá của các đơn vị thuộc Cơ quan bộ đạt từ 80% tổng số điểm tối đa theo quy định tại mục III văn bản này.

b) Có trên 70% cá nhân trong tập thể được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên; có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; không có cá nhân bị xếp loại “Không hoàn thành nhiệm vụ” hoặc bị kỷ luật; nội bộ đoàn kết, thống nhất, không để xảy ra khiếu nại, tố cáo trong đơn vị.

2. Quy định về số lượng Cờ thi đua và Bằng khen Bộ trưởng

2.1. Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo được xét tặng cho 01 đơn vị tiêu biểu xuất sắc nhất, dẫn đầu mỗi Cụm thi đua.

2.2. Xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được xét tặng cho những đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong phong trào thi đua và theo quy định sau:

- a) Đối với cụm 1: xét không quá 01 đơn vị;
- b) Đối với cụm 2: xét không quá 02 đơn vị;
- c) Đối với cụm 3,4,5,7: xét không quá 03 đơn vị;
- d) Đối với cụm 6: xét không quá 04 đơn vị;
- đ) Đối với cụm 8: xét không quá 05 đơn vị;

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị trực thuộc Bộ

1.1. Các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức triển khai thực hiện các phong trào thi đua do Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động đến các khoa, phòng, ban, đơn vị thành viên đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

1.2. Gửi báo cáo theo từng tiêu chí thi đua kèm minh chứng, sản phẩm về các đơn vị thuộc cơ quan Bộ được giao đánh giá theo phân công; gửi báo cáo tổng hợp về đơn vị Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Giáo dục và Cụm trưởng trước ngày 01 tháng 8 hằng năm đối với cụm từ 1 đến 7 và trước ngày 15 tháng 01 hằng năm đối với Cụm 8.

2. Cụm trưởng

Các Cụm trưởng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoạt động của Cụm thi đua theo các nội dung của Hướng dẫn này; tổng hợp kết quả bình xét thi đua và đề xuất khen thưởng các đơn vị trong cụm.

3. Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ được giao đánh giá

3.1. Kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc Bộ trong việc thực hiện phong trào thi đua theo lĩnh vực được giao phụ trách.

3.2. Thẩm định minh chứng, sản phẩm và kết quả tự đánh giá, chấm điểm các đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; gửi kết quả về đơn vị Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Giáo dục trước ngày 15 tháng 9 hằng năm đối với các cụm từ 1 đến 7 và trước ngày 28 tháng 02 hằng năm đối với Cụm 8.

4. Đơn vị Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Giáo dục

Tổng hợp kết quả đánh giá và đề nghị xếp loại tập thể, bình xét thi đua, khen thưởng của các cụm thi đua; kết quả thẩm định các đơn vị thuộc Bộ được giao phụ trách đánh giá; báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Giáo dục xem xét, quyết định.

5. Các Đại học vùng và Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Đồng thời với việc thực hiện các nhiệm vụ được giao đối với các đơn vị trực thuộc Bộ, các Đại học vùng và Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam có trách nhiệm tham khảo các quy định tại văn bản này để tổ chức thực hiện phong trào thi đua do Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động đối với các đơn vị thành viên trực thuộc theo các Cụm thi đua; tổ chức đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng và gửi báo cáo kết quả về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 8 hằng năm đối với các đơn vị tổng kết theo năm học và trước ngày 31 tháng 01 hằng năm đối với các đơn vị tổng kết theo năm công tác theo quy định sau:

5.1. Xét tặng Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo xét tặng cho đơn vị tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua trong Cụm (không xét tặng Cờ thi đua cho Cụm có dưới 05 đơn vị tham gia).

5.2. Xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xét tặng cho những đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong phong trào thi đua và theo quy định sau:

- a) Cụm thi đua có dưới 05 đơn vị: không quá 01 Bằng khen Bộ trưởng.
- b) Cụm thi đua có từ 05 đến dưới 10 đơn vị: không quá 02 Bằng khen Bộ trưởng.
- c) Cụm thi đua có từ 10 đơn vị trở lên: không quá 03 Bằng khen Bộ trưởng.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua đơn vị Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Giáo dục) để xem xét, sửa đổi cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Ban ĐKTTW (để báo cáo);
- Công đoàn GDVN (để phối hợp);
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ (để thực hiện);
- Cổng thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ ĐKKT (15).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Ngô Thị Minh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**DANH MỤC TIÊU CHÍ THI ĐUA KHỎI ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC BỘ
NĂM HỌC 2021 – 2022 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO***(Kèm theo Công văn số /BGDDĐT- TĐKT ngày tháng 5 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)***Cụm 1-6: Các đại học¹, trường đại học, trường cao đẳng sư phạm trực thuộc Bộ**

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
1.	Lĩnh vực: Giáo dục Đại học (Vụ GDDH thẩm định)		200
1.1	Công tác tuyển sinh		60
		Các văn bản quy định về tuyển sinh và kết quả thực hiện	30
		Kết quả tuyển sinh các trình độ, các loại hình đào tạo (chính quy, VLVH, từ xa, liên kết đào tạo trong và ngoài nước...) trong năm học; quy mô đào tạo	30
1.2	Công tác đào tạo các trình độ	Các quy chế, quy định về đào tạo của đơn vị. Kết quả đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường ứng dụng công nghệ trong dạy và học. Kết quả đào tạo CĐSP, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, bao gồm các hình thức đào tạo (chính quy, VLVH, từ xa, liên kết đào tạo trong và ngoài nước...) Tình hình việc làm của sinh viên, học viên sau tốt nghiệp.	40
1.3	Phát triển đội ngũ giảng viên và điều kiện đảm bảo chất lượng	Kết quả phát triển đội ngũ giảng viên, cải tiến các điều kiện đảm bảo chất lượng (cơ sở vật chất, học liệu, hệ thống quản lý đào tạo...).	40
1.4	Phát triển ngành đào tạo, chương trình đào tạo	Kết quả rà soát các điều kiện duy trì ngành đào tạo; phát triển ngành đào tạo mới.	40

¹ Đại học vùng là đầu mối tổng hợp minh chứng của các trường thành viên, tự chấm điểm và gửi về các đơn vị chấm thẩm định

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
		Kết quả rà soát các chương trình đào tạo; phát triển các chương trình đào tạo; phát triển các chương trình đào tạo quốc tế, các chương trình đào tạo chất lượng cao.	
1.5	Thực hiện công khai, trách nhiệm giải trình và các công tác khác	Kết quả thực hiện các quy định về công khai, minh bạch và thực hiện trách nhiệm giải trình; Các công tác khác (đào tạo ứng phó dịch Covid-19...).	20
2.	Lĩnh vực: Khoa học, Công nghệ và Môi trường (Vụ KHCNMT thẩm định)		200
2.1	Xây dựng chiến lược KHCN trung hạn, kế hoạch KHCN hàng năm; Có văn bản của đơn vị triển khai văn bản chỉ đạo về KHCN của Bộ/ngành		20
		Chiến lược KHCN trung hạn, kế hoạch KHCN hàng năm	10
		Các văn bản của đơn vị triển khai chỉ đạo của Bộ/ngành về hoạt động KHCN (10 điểm).	10
2.2	Xây dựng được cơ sở dữ liệu về các nhiệm vụ KH&CN của đơn vị và công bố trên website của đơn vị		40
		Danh mục các nhiệm vụ KH&CN (tên nhiệm vụ, CNĐT, thời gian thực hiện, nội dung, sản phẩm, kinh phí) đang thực hiện, đã nghiệm thu, đã thanh lý (được cập nhật hàng năm)	20
		Danh mục các nhiệm vụ KH&CN đưa ra thực hiện và nghiệm thu hàng năm được công bố công khai trên website của đơn vị.	20
2.3	Có bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong chỉ mục trích dẫn của Web of Science (WoS), Scopus được đăng trong năm học và tăng so với năm học trước; có sách chuyên khảo được xuất bản trong năm học. Có nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu hoặc bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của các nhiệm vụ KH&CN và số lượng của năm học sau tăng so với năm học trước.		40
	Có bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong chỉ mục trích dẫn của Web of Science (WoS), Scopus được đăng trong năm học và tăng so với năm học trước; có sách chuyên khảo được xuất bản trong năm học	Danh mục các bài báo WoS, Scopus được đăng trong năm học tính từ tháng 8/2021 đến tháng 7/2022 (so sánh với năm học trước tính từ tháng 8/2020 đến tháng 7/2021 và có xác nhận của đơn vị) kèm theo đường link các bài báo được đăng trong năm học. Danh mục các sách chuyên khảo (có xác nhận của đơn vị).	20

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
	Có nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu hoặc bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của các nhiệm vụ KH&CN và số lượng của năm học sau tăng so với năm học trước	Danh sách các nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu hoặc bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của nhiệm vụ (có minh chứng kèm theo và có so sánh số liệu với năm học trước).	20
2.4	Có nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia mở mới. Có các giải thưởng sinh viên NCKH, các giải thưởng về KH&CN cấp Bộ và tương đương trở lên trong năm học, giải thưởng quốc tế về KHCN. Có nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu chung với nước ngoài, có thỏa thuận hợp tác quốc tế về KHCN và có hoạt động hợp tác quốc tế được triển khai thực hiện trong năm học.		60
	Có nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia mở mới	Quyết định phê duyệt hoặc văn bản thông báo của Bộ KHCN về việc được phê duyệt nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia mở mới trong năm học.	10
	Có các giải thưởng sinh viên NCKH, các giải thưởng về KH&CN cấp Bộ và tương đương trở lên trong năm học, giải thưởng quốc tế về KHCN	Quyết định cấp giấy chứng nhận giải thưởng SV NCKH trong năm học (10đ) Quyết định giải thưởng NCKH cấp Bộ hoặc tương đương trở lên trong năm học (10đ) Quyết định/Chứng nhận giải thưởng của Quốc tế về NCKH (10đ)	30
	Có nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu chung với nước ngoài, có thỏa thuận hợp tác quốc tế về KHCN và có hoạt động hợp tác quốc tế được triển khai thực hiện trong năm học	Thuyết minh nhiệm vụ/hồ sơ dự án KHCN hợp tác nghiên cứu chung với nước ngoài (10đ) Thỏa thuận hợp tác với đối tác quốc tế về KHCN. Minh chứng triển khai hoạt động hợp tác quốc tế về KHCN được triển khai thực hiện trong năm học. Thuyết minh/hợp đồng/Dự án hợp tác nghiên cứu chung với đối tác quốc tế (10đ)	20
2.5	Có bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền tác phẩm; hợp đồng tư vấn, hợp đồng chuyên gia công nghệ được cấp mới hoặc ký kết mới trong năm học. Có nhóm nghiên cứu mạnh triển khai nhiệm vụ nghiên cứu mới theo hướng đã xác định trong năm học; có triển khai hoạt động đổi mới sáng tạo trong NCKH gắn với hợp tác doanh nghiệp trong năm học		40
	Có bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền tác phẩm; hợp đồng tư vấn,	Danh mục các bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền tác phẩm được chấp nhận đơn hoặc được cấp bằng độc quyền trong	20

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
	hợp đồng chuyển giao công nghệ được cấp mới hoặc ký kết mới trong năm học	năm học (có xác nhận của đơn vị) kèm theo bản photo công văn được chấp nhận đơn hoặc bằng độc quyền đã được cấp trong năm (10đ). Danh mục các hợp đồng tư vấn, hợp đồng chuyển giao công nghệ được ký trong năm học (có xác nhận của đơn vị), kèm theo bản photo hợp đồng (10đ).	
	Có nhóm nghiên cứu triển khai nhiệm vụ nghiên cứu mới theo hướng đã xác định trong năm học; có triển khai hoạt động đổi mới sáng tạo trong NCKH gắn với hợp tác doanh nghiệp trong năm học	Quyết định thành lập nhóm nghiên cứu mạnh; Quyết định nhiệm vụ nghiên cứu của nhóm trong năm học (10đ). Văn bản hợp tác với doanh nghiệp, các sản phẩm cụ thể về ĐMST từ hợp tác với doanh nghiệp (10đ).	20
3.	Lĩnh vực: Tổ chức cán bộ (Vụ TCCB thẩm định)		200
3.1	Sáp nhập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc	Quyết định phê duyệt Đề án; quyết định thực hiện sáp nhập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc theo đề án được duyệt.	40
3.2	Xây dựng đề án vị trí việc làm (VTVL)	Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và kết quả thực hiện; Quyết định phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm. Báo cáo kết quả hoạt động của đơn vị về thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy, nhân sự (tính gọn bộ máy, tính gián số người làm việc).	50
3.3	Thành lập Hội đồng Đại học/Hội đồng trường và tổ chức hoạt động theo quy định	Quyết định công nhận hội đồng trường; quy chế tổ chức hoạt động của hội đồng trường, quy chế tài chính nội bộ, quy chế dân chủ của đơn vị và kết quả thực hiện.	40
3.4	Thực hiện tự chủ, phân cấp cho các đơn vị thuộc và trực thuộc	Quyết định ban hành phương án tự chủ của đơn vị, báo cáo kết quả thực hiện. Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc; báo cáo kết quả thực hiện.	40

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
3.5	Công tác đào tạo, bồi dưỡng theo VTVL, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, nâng cao trình độ ngoại ngữ.	Quyết định ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và kết quả thực hiện.	30
4.	Lĩnh vực: Giáo dục chính trị và công tác học sinh sinh viên (Vụ GDCT&CTHSSV tham định)		200
4.1	Tổ chức thực hiện các chỉ đạo của cấp trên		40
		Có kế hoạch, tổ chức triển khai đầy đủ các văn bản QPPL về công tác SV, về chế độ chính sách cho SV và các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, thực hiện chế độ báo cáo kịp thời (minh chứng bằng văn bản, kế hoạch, báo cáo)	10
		Bố trí đầy đủ đội ngũ cán bộ chuyên trách; cán bộ kiêm nhiệm để triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ của đơn vị (quyết định, công văn, văn bản phân công nhiệm vụ...)	10
		Hàng năm có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn cho các cán bộ làm công tác HSSV của đơn vị	10
		Cử cán bộ tham gia đầy đủ các hoạt động bồi dưỡng tập huấn chuyên môn của Bộ GDĐT	10
4.2	Phổ biến, tuyên truyền, bồi dưỡng các quy định của pháp luật cho SV (có hồ sơ minh chứng đầy đủ)		40
		Xây dựng kế hoạch phổ biến, tuyên truyền về thực hiện quy định của pháp luật, quy chế của nhà trường (Tuần sinh hoạt công dân – SV; các ngày lễ kỷ niệm trong năm; tháng Thanh niên; tháng cao điểm an toàn giao thông, ma túy, tội phạm ...):	15
		Có chuyên mục, chuyên trang trên website của trường để tuyên truyền, giáo dục pháp luật và các quy chế, quy định của nhà trường	10
		Có văn bản phối hợp với công an địa phương và các tổ chức chính trị xã hội khác để giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho SV về thực hiện quy định của pháp luật, quy chế của nhà trường	10
		Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên trường có tổ chức sinh hoạt chuyên đề để tuyên truyền, nâng cao nhận thức về pháp luật cho SV	5

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
4.3	Kết quả thực hiện các quy chế, quy định đối với SV (có hồ sơ minh chứng đầy đủ)	Ban hành văn bản và thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời các chế độ, chính sách cho SV theo quy định	40
		Thực hiện đầy đủ, kịp thời, nghiêm túc quy định về khen thưởng, kỷ luật đối với SV (Báo cáo tổng hợp số liệu, danh sách khen thưởng/ kỷ luật cụ thể kèm theo)	10
		Văn bản hiện hành cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá và triển khai đánh giá, sử dụng kết quả đánh giá điểm rèn luyện đúng quy trình, quy định, đảm bảo công bằng, khách quan, nghiêm túc (SV không có khiếu kiện); kết quả đánh giá rèn luyện không có SV xếp loại yếu, kém (từ loại trung bình trở lên) ²	10
		Không để xảy ra vụ việc vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội, bạo lực học đường	10
4.4	Giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho SV (có hồ sơ minh chứng đầy đủ)	Tỷ lệ 35% SV tham gia Cuộc thi “Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”	35
		Tỷ lệ 100% SV tham gia “Tuần sinh hoạt công dân”	10
		Tổ chức tối thiểu 02 chuyên đề giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống và kỹ năng mềm cho SV	5
		Tỷ lệ 5 % SV tham gia bồi dưỡng nhận thức về Đảng	15
			5
4.5	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong HSSV	100% SV được giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng về khởi nghiệp trước khi tốt nghiệp (Có kế hoạch minh chứng)	45
		Có đủ số lượng dự án, công trình, đề tài nghiên cứu khoa học của SV tham gia các cuộc thi về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp của Bộ GDĐT	15
			15

² Nếu có SV xếp loại yếu, kém thì bị trừ 5 điểm

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
		Tham gia đầy đủ các sự kiện, các hoạt động về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo do Bộ GDĐT tổ chức	10
		Mỗi năm có tối thiểu 01 dự án khởi nghiệp của SV được các hỗ trợ bởi các quỹ đầu tư hoặc các doanh nghiệp	5
5.	Lĩnh vực: Kế hoạch – Tài chính (Vụ KHTC thẩm định)		200
5.1	Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, kiểm tra tài chính và công khai tài chính		60
	Quy chế chi tiêu nội bộ được rà soát cập nhật hằng năm	Quy chế chi tiêu nội bộ	20
	Công tác kiểm tra tài chính hằng năm theo quy định	Biên bản kiểm tra tài chính	20
	Công khai tài chính hằng năm theo quy định	Quyết định, hoặc thông báo công khai tài chính	20
5.2	Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định		40
	Thực hiện tự chủ về quản lý nguồn thu, định mức chi theo quy định	Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán (nếu có)	20
	Trích lập các Quỹ của đơn vị theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính	Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán (nếu có)	20
5.3	Thực hiện kiến nghị của thanh tra, kiểm toán, thông báo xét duyệt quyết toán hàng năm		40
	Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của thanh tra, kiểm toán, thông báo xét duyệt quyết toán hàng năm		
5.4	Quản lý sử dụng tài sản công		30
	Ban hành Quy chế quản lý sử dụng tài sản công của đơn vị theo quy định	Quyết định Ban hành Quy chế quản lý sử dụng tài sản công của đơn vị	15
	Tổ chức thực hiện quản lý sử dụng tài sản công đúng quy định	Báo cáo quyết toán, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán (nếu có)	15
5.5	Thực hiện mua sắm, đầu tư từ nguồn kinh phí chi thường xuyên		30
	Xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, xây dựng giá gói thầu theo quy định	Hồ sơ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, xây dựng giá gói thầu	15

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
	Tổ chức thực hiện đấu thầu đúng hồ sơ thầu được duyệt	Hồ sơ, kết quả thực hiện công tác đấu thầu	15
6.	Lĩnh vực: Cơ sở vật chất (Cục CSVC thẩm định)		150
6.1	Xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng và diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo		40
	Xây dựng tiêu chuẩn, định mức	Báo cáo quy trình xây dựng tiêu chuẩn, định mức của đơn vị	10
	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng	Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức của đơn vị theo khoản 2 Điều 6 Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT	10
	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo	Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức của đơn vị theo Điều 7 Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT	10
	Công khai tiêu chuẩn, định mức	Đăng tải tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng và diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên cổng thông tin điện tử của đơn vị	10
6.2	Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên và đột xuất		40
	Đầu tư, mua sắm, cải tạo, sửa chữa hằng năm bằng nguồn vốn đầu tư công	Báo cáo đầu thầu, giám sát đầu tư và quyết toán dự án hoàn thành (bao gồm kế hoạch lựa chọn nhà thầu, xây dựng giá gói thầu, thực hiện đấu thầu...) bằng nguồn vốn đầu tư công	20
	Các nhiệm vụ đột xuất (nếu có)	Báo cáo theo yêu cầu	10
	Góp ý các văn bản (nếu có)	Văn bản góp ý	10
6.3	Hạ tầng công nghệ thông tin, thư viện số		30
	Hạ tầng công nghệ thông tin	Báo cáo thực trạng kèm danh mục máy móc, thiết bị mạng lưới công nghệ thông tin	10
	Thư viện	Báo cáo thực trạng thư viện, thư viện số; kết nối, liên thông thư viện; quản lý, sử dụng thư viện	10
	Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, thư viện	Văn bản phê duyệt các dự án của cấp có thẩm quyền	10
6.4	Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; bảo trì, bảo dưỡng hằng năm		40
	Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo	Báo cáo kết quả thực hiện; các văn bản phê duyệt đầu tư trong năm	20

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
	Công tác bảo trì, bảo dưỡng hằng năm	Quy trình bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo hằng năm	20
7.	Lĩnh vực: Hợp tác quốc tế (Cục HTQT thẩm định)		150
7.1	Xây dựng chiến lược/kế hoạch hợp tác quốc tế trung hạn, hàng năm ³		30
	Xây dựng chiến lược/kế hoạch hợp tác quốc tế trung hạn	Chiến lược/kế hoạch hợp tác quốc tế trung hạn (có thể nằm trong chiến lược phát triển chung của đơn vị) được ký ban hành.	15
	Xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm	Kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm được ký ban hành	15
7.2	Thỏa thuận hợp tác với nước ngoài, các chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài đang trong giai đoạn thực hiện ⁴	Danh sách thỏa thuận hợp tác còn hiệu lực, các chương trình dự án hợp tác với nước ngoài đang thực hiện; báo cáo tình hình và kết quả thực hiện	30
7.3	Trao đổi sinh viên, giảng viên		60
	Cử giảng viên đi đào tạo, thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học ngắn hạn và dài hạn ở nước ngoài ⁵	Số lượng, danh sách giảng viên được cử đi đào tạo, thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học ngắn hạn và dài hạn (được cấp bằng) ở nước ngoài (theo trình độ đào tạo, chương trình đào tạo, nước đến học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học...)	20
	Sinh viên nước ngoài đến học tập dài hạn ⁶	Số lượng, danh sách sinh viên nước ngoài học tập dài hạn tại đơn vị (theo quốc tịch, chương trình, trình độ đào tạo...)	30
	Sinh viên nước ngoài đến học tập ngắn hạn hoặc có giảng viên nước ngoài giảng dạy tại đơn vị (trực tiếp hoặc trực tuyến)	Danh sách sinh viên nước ngoài trao đổi ngắn hạn (được công nhận tín chỉ) và giảng viên nước ngoài giảng dạy tại đơn vị trực tiếp hoặc trực tuyến (theo quốc tịch, chương trình, trình độ đào tạo...)	10
7.4	Tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế; công tác đoàn ra, đoàn vào		30
	Tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế	Danh sách kèm hồ sơ thực hiện tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và báo cáo kết quả hội nghị, hội thảo	15

³ Đối với Đại học vùng: Có văn bản triển khai, chỉ đạo về HTQT đối với các đơn vị thành viên

⁴ Chấm điểm theo 03 mức: số lượng từ 1-5: 10 điểm, từ 6 đến 10: 20 điểm và trên 10: 30 điểm; đối với Đại học vùng thành tích tính theo thành tích trung bình của các đơn vị thành viên.

⁵ Chấm điểm theo 02 mức: số lượng từ 1-3%: 10 điểm, trên 3%: 20 điểm.

⁶ Chấm điểm theo 03 mức: số lượng từ 0,1-0,9%: 10 điểm; từ 0,9-1,1%: 20 điểm; trên 1,1%: 30 điểm.

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
	Công tác đón đoàn quốc tế vào và cử đoàn đi công tác nước ngoài	Danh sách đoàn ra, đoàn vào, các quyết định đón đoàn, cử đoàn đi nước ngoài; báo cáo kết quả đón đoàn và kết quả các chuyên công tác nước ngoài	15
8.	Lĩnh vực: Quản lý chất lượng (Cục QLCL thẩm định)		150
8.1	Bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục		60
	Xây dựng và triển khai kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục	Văn bản quy định về bảo đảm chất lượng của đơn vị; kế hoạch và kết quả triển khai công tác bảo đảm chất lượng giáo dục (kế hoạch chiến lược, trung hạn và hằng năm); nguồn lực dành cho hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục (đánh giá hằng năm/trong giai đoạn triển khai)	10
	Công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo	Dữ liệu về hoạt động bảo đảm và kiểm định chất lượng của đơn vị được cập nhật trên Phần mềm quản lý hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học (khi được triển khai); báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục/chương trình đào tạo được cập nhật và gửi về Bộ GDĐT (nếu có); chứng nhận cơ sở giáo dục/chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục; kết quả kiểm định chất lượng được công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị	30
	Cải tiến, nâng cao chất lượng sau tự đánh giá và đánh giá ngoài	Kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị (trong đó có việc cải tiến chất lượng của hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong) sau tự đánh giá/ đánh giá ngoài cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo	10
	Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác bảo đảm chất lượng giáo dục	Danh sách cán bộ, giảng viên được bồi dưỡng, tập huấn về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục, có chứng chỉ/chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo/bồi dưỡng kiểm định viên hoặc có thể kiểm định viên	10
8.2	Quản lý văn bản, chứng chỉ		60
	Quản lý in ấn, sử dụng và cấp phát phôi văn bản, chứng chỉ	Văn bản quy định việc quản lý, in ấn, cấp phát phôi, văn bản, chứng chỉ của đơn vị	20
		Hồ sơ quản lý văn bản, chứng chỉ Báo cáo hằng năm, báo cáo chuyên đề	30

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
	Tham gia các hội nghị, hội thảo, tập huấn và các hoạt động chuyên môn về quản lý văn bản, chứng chỉ	Văn bản cử người tham dự; văn bản góp ý kiến đối với các văn bản quy phạm pháp luật	10
8.3	Thực hiện quy chế công khai	Báo cáo thực hiện công khai đầy đủ, đúng hạn; thực hiện việc công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị đúng quy định	30
9.	Lĩnh vực: Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số (Cục CNTT thẩm định)		150
9.1	Bộ máy, nhân sự và công tác quy hoạch, kế hoạch triển khai nhiệm vụ ứng dụng Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số (CNTT&CĐS)	<p>Phân công lãnh đạo nhà trường phụ trách quản lý và triển khai nhiệm vụ CNTT&CĐS; Giao đơn vị chuyên trách chủ trì triển khai nhiệm vụ CNTT, CĐS.</p> <p>Kế hoạch trung hạn (5 năm), kế hoạch hàng năm triển khai ứng dụng CNTT&CĐS.</p> <p>Báo cáo đầy đủ dữ liệu trên các hệ thống CNTT dùng chung của Bộ: hệ thống phục vụ thông kê giáo dục, hệ thống phục vụ công tác tuyển sinh; thực hiện đúng hạn, đáp ứng yêu cầu các báo cáo của Bộ về CNTT và thông kê giáo dục.</p>	20
9.2	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý	<p>Tỷ lệ % văn bản được gửi liên thông giữa các đơn vị thành viên qua hệ thống quản lý văn bản điều hành.</p> <p>Kết quả triển khai phần mềm quản lý, điều hành nhà trường theo hướng tích hợp các mô đun, ứng dụng quản lý chuyên ngành thành giải pháp tổng thể, đồng bộ như: quản lý đào tạo, quản lý khoa học, quản lý tài chính, quản lý cơ sở vật chất, quản lý sinh viên nội trú, ngoại trú ...</p> <p>Kết quả triển khai các dịch vụ trực tuyến: đăng ký học tín chỉ, tra cứu thông tin và xác nhận kết quả học tập; đóng học phí không dùng tiền mặt, đăng ký nghỉ phép...</p> <p>Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống ứng dụng CNTT&CĐS của đơn vị.</p>	50
9.3	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ dạy – học, đánh giá, nghiên cứu khoa học	Kết quả triển khai đào tạo trực tuyến (blended learning): số lượng các khóa học trực tuyến đang cung cấp (nêu địa chỉ hệ thống LMS đang sử dụng).	50

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
		Kết quả triển khai thư viện điện tử, kho học liệu số trực tuyến (nêu địa chỉ truy cập các hệ thống). Tỷ lệ giảng viên đang tham gia các hoạt động đào tạo trực tuyến. Ban hành Quy chế ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng (theo Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT).	
9.4	Các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin	Kết quả triển khai giải pháp nền tảng ứng dụng CNTT: Nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu (LGSP); giải pháp quản lý người dùng (Single Sign-On), dùng chung nền tảng hoặc có giải pháp kết nối liên thông dữ liệu giữa các hệ thống đang tồn tại. Cung cấp mạng Internet qua wifi miễn phí trong khuôn viên nhà trường; Báo cáo về các phòng IT Lab phục vụ giảng dạy Công nghệ thông tin (đối với trường có đào tạo chuyên ngành CNTT), Phòng học đa chức năng được hỗ trợ ứng dụng CNTT. Kế hoạch và kết quả bồi dưỡng nâng cao về: năng lực ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyên môn, nhận thức và kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin cho cán bộ, nhân viên, giảng viên.	30
10.	Lĩnh vực: Giáo dục thể chất (Vụ GDTC thẩm định)		150
10.1	Công tác giáo dục thể chất (GDTC)		50
		Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chương trình GDTC	10
		Đội ngũ giáo viên dạy môn GDTC được đào tạo đúng chuyên ngành	10
		Cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ phục vụ dạy môn GDTC đảm bảo theo quy định	10
		Tổ chức kiểm tra đánh giá xếp loại thể lực sinh viên và nhập số liệu vào cơ sở dữ liệu ngành	10
		Kế hoạch, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên dạy môn GDTC và kết quả thực hiện (danh sách, quyết định cử nhà giáo tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng)	10

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
10.2	Hoạt động thể thao trường học	Kế hoạch, Điều lệ (Hướng dẫn) hoạt động/giải thể thao và kết quả thực hiện; danh sách tập thể và cá nhân đoạt giải	40
		Kết quả hoạt động các câu lạc bộ thể thao Sinh viên	10
		Kết quả tham gia giải thi đấu thể thao cấp khu vực, toàn quốc, thế giới.	10
		Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả triển khai ấn 1076	10
10.3	Công tác y tế trường học	Tỷ lệ sinh viên được kiểm tra sức khỏe, có hồ sơ theo dõi và quản lý sức khỏe của SV	40
		Văn bản chỉ đạo, tài liệu hướng dẫn và kết quả thực hiện: phòng, chống tác hại của thuốc lá và lạm dụng đồ uống có cồn; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	10
		Công tác chữ thập đỏ; giáo dục giới, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, sức khỏe tâm thần; đảm bảo vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường; phòng, chống bệnh không lây nhiễm và các bệnh học đường	10
		Tỷ lệ sinh viên mua bảo hiểm y tế; số lượng HS bị ngộ độc thực phẩm	10
10.4	Công tác phòng, chống tai nạn thương tích đối với HSSV	Văn bản hướng dẫn, kế hoạch và kết quả triển khai thực hiện công tác phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước cho sinh viên. Số lượng SV bị tai nạn thương tích, đuối nước ở mức độ phải nằm viện điều trị hoặc tử vong (nếu có).	20
11.	Lĩnh vực: Thanh tra, kiểm tra (Thanh tra thẩm định)		100
11.1	Bộ máy, nhân sự; chế độ chính sách, điều kiện hoạt động và công tác bồi dưỡng nghiệp vụ đối với người làm công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến	Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức thanh tra nội bộ; quyết định tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm viên chức bộ phận thanh tra; Quy chế chi tiêu nội bộ có quy định hoặc các văn bản quy định của đơn vị ban hành có liên quan tới chế độ, chính sách đối với người làm công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; minh chứng về điều kiện làm	30

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
	nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.	việc của bộ phận thanh tra (phòng làm việc, phòng tiếp công dân được trang bị phương tiện làm việc, thiết bị kỹ thuật liên quan, ...). Danh sách người đã được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.	
11.2	Công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra và công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã phê duyệt. Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Minh chứng việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	40
11.3	Thực hiện chế độ báo cáo về công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tham gia hội nghị, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Các báo cáo về công tác thanh tra, công tác tiếp dân, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác phòng, chống tham nhũng theo quy định (báo cáo 3, 6, 9 tháng, báo cáo năm và các báo cáo đột xuất). Văn bản cử người tham gia hội nghị, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.	30
12.	Lĩnh vực: Pháp chế (Vụ PC thẩm định)		100
12.1	Tổ chức pháp chế hoặc nhân sự chuyên trách làm công tác pháp chế ⁷	Quyết định thành lập tổ chức pháp chế hoặc phân công nhiệm vụ. Số lượng nhân sự làm công tác pháp chế của đơn vị.	30
12.2	Tham gia xây dựng, góp ý dự thảo các quy định của nhà trường và văn bản QPPL; kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp	Kết quả thực hiện kèm danh mục văn bản góp ý, kiến nghị	40

⁷ Đối với Đại học vùng: Tổ chức pháp chế hoặc nhân sự chuyên trách làm công tác pháp chế ở cơ quan Đại học và các đơn vị thành viên thuộc, trực thuộc

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
12.3	Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường	Thống kê kết quả, số lượng, hình thức các cuộc tuyên truyền, phổ biến	30
13.	Lĩnh vực: Công tác Văn phòng (Văn phòng thẩm định)		100
13.1	Công tác báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm học và giải pháp trọng tâm của ngành Giáo dục	Báo cáo tổng kết năm học; Báo cáo định kỳ về tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ hàng tháng, hàng quý; Báo cáo đột xuất theo yêu cầu nhiệm vụ. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Quyết định số 1696/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2020, Quyết định số 2559/QĐ-BGDĐT ngày 06/8/2021; Kế hoạch 353/KH-BGDĐT ngày 29/3/2022 của Bộ.	30
13.2	Công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo	Website/cổng thông tin điện tử, fanpage chính thức trên mạng xã hội có đăng tải đầy đủ các văn bản chính sách cập nhật của Bộ GDĐT; thông tin cập nhật về các mặt hoạt động của đơn vị; Kết quả hoạt động của đầu mối phụ trách công tác truyền thông: tiếp nhận, tương tác, phối hợp với truyền thông toàn ngành, nâng cao kết quả truyền thông với xã hội; số lượng sự cố truyền thông, báo chí gây ảnh hưởng tiêu cực (nếu có).	30
13.3	Công tác cải cách hành chính, văn thư lưu trữ và bảo vệ bí mật nhà nước	Kế hoạch cải cách hành chính của đơn vị và kết quả thực hiện. Kết quả sử dụng Hệ thống eoffice trong giao dịch văn bản điện tử (theo công văn số:4593/BGDĐT-VP ngày 04/10/2018 của Bộ GD&ĐT). Văn bản quy định về công tác lưu trữ; thực trạng kho lưu trữ của đơn vị; kết quả thực hiện lưu trữ: Thu thập tài liệu; chỉnh lý, xác định giá trị tài liệu; giao nộp tài liệu và lưu trữ lịch sử; tiêu hủy tài liệu hết giá trị; tổ chức sử dụng tài liệu Quy chế/quy định bảo vệ bí mật nhà nước và kết quả thực hiện	40
14.	Lĩnh vực: Giáo dục Quốc phòng – An ninh (Vụ GDQPAN thẩm định)		100
14.1	Lãnh đạo, chỉ đạo về công tác quân sự, quốc phòng và giáo dục quốc phòng an ninh	Nghị quyết lãnh đạo công tác QS, QP, GDQPAN của đơn vị. Kế hoạch công tác QS, QP, GDQPAN; hướng dẫn thực hiện công tác QS, QP, GDQPAN và kết quả thực hiện; quyết định kiện toàn	20

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
		Ban Chỉ huy quân sự, cán bộ làm công tác quân sự, lực lượng tự vệ của cơ quan, đơn vị	
14.2	Công tác quân sự, quốc phòng		30
	Hoạt động của Ban Chỉ huy, cán bộ làm công tác quân sự cơ quan, đơn vị.	Hệ thống văn kiện công tác QS, QP của đơn vị. Kết quả tổ chức huấn luyện, hội thao, diễn tập lực lượng tự vệ của đơn vị; kết quả tham gia các đợt tập huấn công tác quân sự quốc phòng, phòng chống khủng bố.	10
	Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng – an ninh cho các đối tượng.	Kế hoạch bồi dưỡng kiến thức QPAN cho cán bộ, công chức, viên chức theo chỉ tiêu, kế hoạch của Hội đồng Giáo dục quốc phòng an ninh các cấp và kết quả thực hiện.	10
	Kết quả công tác quân sự, quốc phòng	Báo cáo công tác sơ, tổng kết công tác QS, QP, GDQPAN hàng năm; Báo cáo kết quả thực hiện công tác QS, QP, GDQPAN, bồi dưỡng kiến thức QPAN cho các đối tượng.	10
14.3	Công tác giáo dục quốc phòng và an ninh		50
	Tổ chức dạy học	Kế hoạch tổ chức giảng dạy, trong đó có môn học GDQPAN; kết quả tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; kết quả đảm bảo an toàn về người, vũ khí, trang thiết bị GDQPAN	20
	Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên GD QPAN	Thực trạng số lượng, chất lượng giảng viên GDQPAN theo quy định; Kế hoạch tập huấn cán bộ quản lý, giảng viên GDQPAN và kết quả thực hiện.	10
	Cơ sở vật chất, vũ khí trang thiết bị bảo đảm cho môn học.	Thực trạng trang thiết bị tối thiểu, phòng học chuyên dùng, thao trường bãi tập; kế hoạch mua sắm bổ sung trang thiết bị hàng năm; Thực trạng kho vật chất; sổ đăng ký, quản lý, sử dụng trang bị, vũ khí, vật tư bảo đảm cho môn học GDQPAN; sổ đăng ký, quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ.	10
	Sơ kết, tổng kết, kiểm tra đánh giá chất lượng giảng dạy.	Kế hoạch kiểm, thanh tra, đánh giá chất lượng giảng dạy môn học GDQPAN và báo cáo sơ kết, tổng kết năm học theo quy định.	10
Tổng cộng			2.150

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**DANH MỤC TIÊU CHÍ THI ĐUA KHỐI ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC BỘ
NĂM HỌC 2021 – 2022 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO***(Kèm theo Công văn số /BGDDĐT- TĐKT ngày tháng 5 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)***Cụm 7: Trường đặc thù**

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
1.	Lĩnh vực: Giáo dục Dân tộc (Vụ GDDT thẩm định)		200
1.1	Xây dựng kế hoạch năm học của nhà trường	Báo cáo kết quả thực hiện	40
1.2	Công tác tuyển sinh	Văn bản đề xuất chỉ tiêu; Đề án, kế hoạch tuyển sinh. Báo cáo kết quả thực hiện	40
1.3	Thực hiện các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá phù hợp đối tượng học sinh dân tộc thiểu số	Báo cáo kết quả thực hiện	60
1.4	Thực hiện công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THPT; chuyển tiếp học sinh dự bị đại học; Lưu học sinh	Báo cáo thực hiện việc giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng	40
1.5	Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Báo cáo kết quả thực hiện	20
2.	Lĩnh vực: Tổ chức cán bộ (Vụ TCCB thẩm định)		200
2.1	Xây dựng đề án sáp nhập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc	Quyết định phê duyệt Đề án; quyết định thực hiện sáp nhập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc theo đề án được duyệt.	40
2.2	Xây dựng đề án vị trí việc làm (VTVL)	Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và kết quả thực hiện; Quyết định phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm.	50

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
		Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, nhân sự (tinh gọn bộ máy, tinh giản số người làm việc).	
2.3	Tổ chức và hoạt động theo quy định	Quy định nội bộ của trường, quy chế thực hiện dân chủ của trường và báo cáo kết quả thực hiện.	40
2.4	Phân cấp cho các đơn vị thuộc và trực thuộc trường	Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc; báo cáo kết quả thực hiện.	40
2.5	Công tác đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm; tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, nâng cao trình độ ngoại ngữ.	Quyết định ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và báo cáo kết quả thực hiện.	30
3.	Lĩnh vực: Giáo dục chính trị và công tác học sinh sinh viên (Vụ GDCT&CTHSSV tham định)		200
3.1	Tổ chức thực hiện các chỉ đạo của cấp trên		40
		Có kế hoạch và tổ chức triển khai đầy đủ các văn bản QPPL về công tác HSSV, về chế độ chính sách cho HSSV và các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, thực hiện chế độ báo cáo kịp thời.	10
		Bố trí đầy đủ đội ngũ cán bộ phụ trách; cán bộ kiêm nhiệm để triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ của đơn vị (quyết định, công văn, văn bản phân công nhiệm vụ...)	10
		Có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn hằng năm cho các cán bộ làm công tác HSSV của đơn vị.	10
		Cử cán bộ tham gia đầy đủ các hoạt động bồi dưỡng tập huấn chuyên môn của Bộ GDĐT	10
3.2	Phổ biến, tuyên truyền, bồi dưỡng các quy định của pháp luật cho HSSV (có hồ sơ minh chứng đầy đủ)		45
		Phổ biến, tuyên truyền về thực hiện quy định của pháp luật, quy chế của nhà trường (Tuần sinh hoạt công dân HSSV; các ngày lễ kỷ niệm trong năm; tháng Thanh niên; tháng cao điểm an toàn giao thông, ma túy, tội phạm ...)	15
		Chuyên mục, chuyên trang trên website của trường để tuyên truyền, giáo dục pháp luật và các quy chế, quy định của nhà trường	10

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
		Phối hợp với công an địa phương và các tổ chức chính trị xã hội khác để giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho HSSV về thực hiện quy định của pháp luật, quy chế của nhà trường	10
		Đoàn TNCS Hồ Chí Minh có tổ chức sinh hoạt chuyên đề để tuyên truyền, nâng cao nhận thức về pháp luật cho HSSV	10
3.3	Kết quả thực hiện các quy chế, quy định đối với HSSV (có hồ sơ minh chứng đầy đủ)		40
		Ban hành văn bản và thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời các chế độ, chính sách cho HSSV theo quy định	10
		Thực hiện đầy đủ, kịp thời, nghiêm túc quy định về khen thưởng, kỷ luật đối với HSSV (Báo cáo tổng hợp số liệu, danh sách khen thưởng/ kỷ luật cụ thể kèm theo)	10
		Văn bản hiện hành cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá và triển khai đánh giá, sử dụng kết quả đánh giá điểm rèn luyện đúng quy trình, quy định, đảm bảo công bằng, khách quan, nghiêm túc (HSSV không có khiếu kiện); kết quả đánh giá rèn luyện không có HSSV xếp loại yếu, kém (từ loại trung bình trở lên) ¹	10
		Không để xảy ra vụ việc vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội, bạo lực học đường	10
3.4	Giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho HSSV (có hồ sơ minh chứng đầy đủ)		45
		Tỷ lệ 50% HSSV tham gia Cuộc thi “Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”	15
		Tỷ lệ 100% HSSV tham gia “Tuần sinh hoạt công dân”	15
		Tổ chức tối thiểu 02 chuyên đề giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống và kỹ năng mềm cho HSSV	15
3.5	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong HSSV		30
		100% HSSV được giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng về khởi nghiệp trước khi tốt nghiệp	10

¹ Nếu có SV xếp loại yếu, kém thì bị trừ 5 điểm

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
		Có dự án, công trình, đề tài nghiên cứu khoa học của HSSV tham gia các cuộc thi về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp của Bộ GDĐT	10
		Tham gia đầy đủ các sự kiện, các hoạt động về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo do Bộ GDĐT tổ chức	10
4.	Lĩnh vực: Kế hoạch – Tài chính (Vụ KHTC thẩm định)		200
4.1	Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, kiểm tra tài chính và công khai tài chính		60
	Quy chế chi tiêu nội bộ được rà soát cập nhật hằng năm	Quy chế chi tiêu nội bộ	20
	Công tác kiểm tra tài chính hằng năm theo quy định	Biên bản kiểm tra tài chính	20
	Công khai tài chính hằng năm theo quy định	Quyết định, hoặc thông báo công khai tài chính	20
4.2	Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định		40
	Thực hiện tự chủ về quản lý nguồn thu, định mức chi theo quy định	Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán (nếu có)	20
	Trích lập các Quỹ của đơn vị theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính	Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán (nếu có)	20
4.3	Thực hiện kiến nghị của thanh tra, kiểm toán, thông báo xét duyệt quyết toán hàng năm	Kết quả thực hiện kiến nghị của thanh tra, kiểm toán, thông báo xét duyệt quyết toán hàng năm	40
4.4	Quản lý tài sản công		30
	Ban hành Quy chế quản lý sử dụng tài công của đơn vị theo quy định	Quyết định Ban hành Quy chế quản lý sử dụng tài công của đơn vị	15
	Tổ chức thực hiện quản lý sử dụng tài sản công đúng quy định	Báo cáo quyết toán, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán (nếu có)	15
4.5	Thực hiện mua sắm, đầu tư từ nguồn kinh phí chi thường xuyên		30
	Xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, xây dựng giá gói thầu theo quy định	Hồ sơ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, xây dựng giá gói thầu	15

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
	Tổ chức thực hiện đấu thầu đúng hồ sơ thầu được duyệt	Hồ sơ, kết quả thực hiện công tác đấu thầu	15
5.	Lĩnh vực: Cơ sở vật chất (Cục CSVC thẩm định)		150
5.1	Xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng và diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo		40
	Xây dựng tiêu chuẩn, định mức	Báo cáo quy trình xây dựng tiêu chuẩn, định mức của đơn vị	10
	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng	Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức của đơn vị theo khoản 2 Điều 6 Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT	10
	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo	Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức của đơn vị theo Điều 7 Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT	10
	Công khai tiêu chuẩn, định mức	Đăng tải tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng và diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên cổng thông tin điện tử của đơn vị	10
5.2	Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên và đột xuất		40
	Đầu tư, mua sắm, cải tạo, sửa chữa hằng năm bằng nguồn vốn đầu tư công	Báo cáo đấu thầu, giám sát đầu tư và quyết toán dự án hoàn thành (bao gồm kế hoạch lựa chọn nhà thầu, xây dựng giá gói thầu, thực hiện đấu thầu...) bằng nguồn vốn đầu tư công	20
	Các nhiệm vụ đột xuất (nếu có)	Báo cáo theo yêu cầu	10
	Góp ý các văn bản (nếu có)	Văn bản góp ý	10
5.3	Hạ tầng công nghệ thông tin, thư viện số		30
	Hạ tầng công nghệ thông tin	Báo cáo thực trạng kèm danh mục máy móc, thiết bị mạng lưới công nghệ thông tin	10
	Thư viện	Báo cáo thực trạng thư viện, thư viện số; kết nối, liên thông thư viện; quản lý, sử dụng thư viện	10
	Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, thư viện	Văn bản phê duyệt các dự án của cấp có thẩm quyền	10
5.4	Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; bảo trì, bảo dưỡng hằng năm		40
	Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo	Báo cáo kết quả thực hiện; các văn bản phê duyệt đầu tư trong năm	20

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
	Công tác bảo trì, bảo dưỡng hằng năm	Quy trình bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo hằng năm	20
6.	Lĩnh vực: Hợp tác quốc tế (Cục HTQT thẩm định)		150
6.1	Xây dựng chiến lược hợp tác quốc tế trung hạn, hằng năm		30
	Chiến lược hợp tác quốc tế trung hạn	Chiến lược hợp tác quốc tế trung hạn được lãnh đạo ký ban hành	15
	Chiến lược hợp tác quốc tế hằng năm	Chiến lược hợp tác quốc tế hằng năm được lãnh đạo ký ban hành	15
6.2	Thỏa thuận hợp tác với nước ngoài chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài đang trong giai đoạn thực hiện	Danh sách thỏa thuận hợp tác còn hiệu lực các chương trình, dự án đang thực hiện và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện	40
6.3	Giáo viên, viên chức được cử đi đào tạo ở nước ngoài; học sinh sinh viên và giáo viên nước ngoài tham gia học tập và giảng dạy tại đơn vị ngắn hạn và dài hạn		40
	Cử giáo viên, viên chức đi đào tạo ngắn hạn và dài hạn ở nước ngoài	Số lượng, danh sách giảng viên, viên chức được cử đi đào tạo ngắn hạn và dài hạn ở nước ngoài (theo trình độ đào tạo, chương trình đào tạo, nước đến học tập, giảng dạy...)	20
	Có học sinh, sinh viên và giáo viên nước ngoài đến học tập và giảng dạy ngắn hạn và dài hạn tại đơn vị	Số lượng, danh sách học sinh, sinh viên, giáo viên nước ngoài đến học tập, giảng dạy tại đơn vị (theo quốc tịch, chương trình, trình độ đào tạo...)	20
6.4	Tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế; công tác đoàn ra, đoàn vào		40
	Tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế	Danh sách kèm hồ sơ thực hiện việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và báo cáo kết quả	20
	Công tác đón đoàn quốc tế vào và cử đoàn đi công tác nước ngoài	Danh sách đoàn ra, đoàn vào, các quyết định đón đoàn, cử đoàn đi nước ngoài; báo cáo kết quả đón đoàn và kết quả các chuyến công tác	20
7.	Lĩnh vực: Quản lý chất lượng (Cục QLCL thẩm định)		150
7.1	Bảo đảm chất lượng giáo dục		50
	Xây dựng và triển khai kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục	Văn bản quy định về bảo đảm chất lượng của đơn vị; kế hoạch và kết quả triển khai công tác bảo đảm chất lượng giáo dục (kế hoạch chiến lược, trung hạn và hằng năm); nguồn lực dành cho	20

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
		hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục (đánh giá hằng năm/trong giai đoạn triển khai)	
	Tham dự/tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn và các hoạt động chuyên môn về quản lý chất lượng (thi, đánh giá chất lượng, bảo đảm chất lượng giáo dục...)	Kết quả tham dự hội nghị, hội thảo, tập huấn hoặc hoạt động chuyên môn về quản lý chất lượng do Bộ GDĐT hoặc đơn vị khác tổ chức; báo cáo kết quả các hội nghị, hội thảo, tập huấn, hoạt động chuyên môn về quản lý chất lượng do đơn vị tổ chức	20
	Các hoạt động đánh giá/kiểm định chất lượng giáo dục	Báo cáo về việc triển khai thực hiện các hoạt động đánh giá/kiểm định chất lượng giáo dục	10
7.2	Quản lý văn bản, chứng chỉ		60
	Quản lý in ấn, sử dụng và cấp phát phôi văn bản, chứng chỉ	Văn bản quy định việc quản lý, in ấn, cấp phát phôi, văn bản, chứng chỉ của đơn vị Hồ sơ quản lý văn bản, chứng chỉ Báo cáo hằng năm, báo cáo chuyên đề	20 30
	Tham gia các hội nghị, hội thảo, tập huấn và các hoạt động chuyên môn về quản lý văn bản, chứng chỉ	Văn bản cử người tham dự; văn bản góp ý kiến đối với các văn bản quy phạm pháp luật	10
7.3	Thực hiện quy chế công khai	Báo cáo thực hiện công khai đầy đủ, đúng hạn; thực hiện việc công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị đúng quy định	40
8.	Lĩnh vực: Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số (Cục CNTT thẩm định)		150
8.1	Bộ máy, nhân sự và công tác triển khai nhiệm vụ ứng dụng Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số (CNTT&CDS)	Báo cáo công tác tổ chức, phân công lãnh đạo Ban Giám hiệu, cán bộ phụ trách công nghệ thông tin cấp trường. Kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” ban hành kèm theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/1/2022 hoặc Kế hoạch khác về triển khai tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin.	30
8.2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý	Kết quả triển khai phần mềm quản lý trường học (như quản lý học sinh, quản lý giáo viên, quản lý thi, xếp thời khóa biểu) tích hợp, kết nối Cơ sở dữ liệu theo qui định về dữ liệu tại quyết	40

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
		<p>định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; kênh liên lạc điện tử với gia đình.</p> <p>Số môn học có phối hợp phương pháp giảng dạy truyền thống và trình chiếu minh họa; số môn học có hình thức thi vấn đáp máy; số môn học có hình thức thi trắc nghiệm; đạt tỷ lệ %.</p> <p>Kết quả triển khai website giáo dục theo thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 5/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo</p>	
8.3	Thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số	<p>Số lượng máy tính dành cho quản lý, hành chính trong trường</p> <p>Số lượng máy tính phục vụ dạy môn tin học trong trường</p> <p>Thực trạng kết nối Internet cáp quang hoặc dùng Internet qua thiết bị 3G/4G (lý do)</p>	40
8.4	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ dạy học, phát triển nguồn nhân lực sử dụng công nghệ thông tin	<p>Số lượng giáo viên ứng dụng Công nghệ thông tin dạy học trên lớp học</p> <p>Số giáo viên đạt chứng chỉ kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TTBTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông (hoặc tương đương)</p>	40
9.	Lĩnh vực: Giáo dục thể chất (Vụ GDTC thẩm định)		150
9.1	Công tác giáo dục thể chất		50
		Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chương trình GDTC phù hợp đối tượng học sinh dân tộc thiểu số	10
		Đội ngũ giáo viên dạy môn GDTC được đào tạo đúng chuyên ngành	10
		Cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ phục vụ dạy và học môn GDTC đảm bảo theo quy định	10
		Tổ chức kiểm tra đánh giá xếp loại thể lực học sinh và nhập số liệu vào cơ sở dữ liệu ngành	10

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
		Kế hoạch, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo giảng dạy GDTC và kết quả thực hiện (danh sách, quyết định cử nhà giáo tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng)	10
9.2	Tổ chức hoạt động (giải thi đấu) thể thao cho học sinh; câu lạc bộ thể thao trong nhà trường		40
		Kế hoạch, Điều lệ (Hướng dẫn) hoạt động/giải thể thao và kết quả thực hiện; danh sách tập thể và cá nhân đoạt giải.	10
		Kết quả hoạt động các câu lạc bộ thể thao HS	10
		Kết quả tham gia giải thi đấu thể thao học sinh cấp huyện, tỉnh, khu vực hoặc toàn quốc.	10
		Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả triển khai tại đề án 1076	10
9.3	Công tác y tế trường học		40
		Tỷ lệ học sinh được kiểm tra sức khỏe, có hồ sơ theo dõi và quản lý sức khỏe của HS trong nhà trường	10
		Văn bản chỉ đạo, tài liệu hướng dẫn và kết quả thực hiện: phòng, chống tác hại của thuốc lá và lạm dụng đồ uống có cồn; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	10
		Công tác chữ thập đỏ; giáo dục giới, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, sức khỏe tâm thần; đảm bảo vệ sinh nước sạch, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường; phòng, chống bệnh không lây nhiễm và các bệnh học đường	10
		Tỷ lệ HS mua bảo hiểm y tế; số lượng HS bị ngộ độc thực phẩm	10
9.4	Công tác phòng, chống tai nạn thương tích đối với HSSV	Văn bản hướng dẫn, kế hoạch và kết quả triển khai thực hiện công tác phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước cho sinh viên. Số lượng SV bị tai nạn thương tích, đuối nước ở mức độ phải nằm viện điều trị hoặc tử vong (nếu có).	20
10.	Lĩnh vực: Thanh tra, kiểm tra (Thanh tra thẩm định)		100
10.1	Bộ máy, nhân sự; chế độ chính sách, điều kiện hoạt động và công tác bồi dưỡng nghiệp vụ đối với người làm công tác thanh	Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức thanh tra nội bộ; quyết định tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm viên chức bộ phận thanh tra; Quy chế chi tiêu nội bộ có quy định hoặc các	30

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
	tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.	văn bản quy định của đơn vị ban hành có liên quan tới chế độ, chính sách đối với người làm công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; minh chứng về điều kiện làm việc của bộ phận thanh tra (phòng làm việc, phòng tiếp công dân được trang bị phương tiện làm việc, thiết bị kỹ thuật liên quan, ...). Danh sách người đã được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.	
10.2	Công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra và công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã phê duyệt. Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Minh chứng việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	40
10.3	Thực hiện chế độ báo cáo về công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tham gia hội nghị, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Các báo cáo về công tác thanh tra, công tác tiếp dân, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác phòng, chống tham nhũng theo quy định (báo cáo 3, 6, 9 tháng, báo cáo năm và các báo cáo đột xuất). Văn bản cử người tham gia hội nghị, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.	30
11.	Lĩnh vực: Công tác Văn phòng (Văn phòng thẩm định)		100
11.1	Công tác báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm học và giải pháp trọng tâm của ngành Giáo dục	Báo cáo tổng kết năm học; Báo cáo định kỳ về tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ hàng tháng, hàng quý; Báo cáo đột xuất theo yêu cầu nhiệm vụ Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Quyết định số 1696/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2020, Quyết định số 2559/QĐ-BGDĐT	30

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
		ngày 06/8/2021; Kế hoạch 353/KH-BGDĐT ngày 29/3/2022 của Bộ	
11.2	Công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo	Website/công thông tin điện tử, fanpage chính thức trên mạng xã hội có đăng tải đầy đủ các văn bản chính sách cập nhật của Bộ GDĐT; thông tin cập nhật về các mặt hoạt động của đơn vị; Kết quả hoạt động của đầu mối phụ trách công tác truyền thông: tiếp nhận, tương tác, phối hợp với truyền thông toàn ngành, nâng cao kết quả truyền thông với xã hội; số lượng sự cố truyền thông, báo chí gây ảnh hưởng tiêu cực (nếu có).	30
11.3	Công tác cải cách hành chính, văn thư lưu trữ và bảo vệ bí mật nhà nước	Kế hoạch cải cách hành chính của đơn vị và kết quả thực hiện. Kết quả sử dụng Hệ thống eoffice trong giao dịch văn bản điện tử (theo công văn số:4593/BGDĐT-VP ngày 04/10/2018 của Bộ GD&ĐT). Văn bản quy định về công tác lưu trữ; thực trạng kho lưu trữ của đơn vị; kết quả thực hiện lưu trữ: Thu thập tài liệu; chỉnh lý, xác định giá trị tài liệu; giao nộp tài liệu và lưu trữ lịch sử; tiêu hủy tài liệu hết giá trị; tổ chức sử dụng tài liệu Quy chế/quy định bảo vệ bí mật nhà nước và kết quả thực hiện	40
Tổng số			1.750

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**DANH MỤC TIÊU CHÍ THI ĐUA KHỐI ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC BỘ
NĂM HỌC 2021 – 2022 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO***(Kèm theo Công văn số /BGDDT- TĐKT ngày tháng 5 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)***Cụm 8: Các đơn vị khác trực thuộc Bộ**

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
1.	Lĩnh vực: Tổ chức cán bộ (Vụ TCCB thẩm định)		200
1.1	Xây dựng đề án sáp nhập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc	Quyết định phê duyệt Đề án; quyết định thực hiện sáp nhập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc theo đề án được duyệt.	40
1.2	Xây dựng đề án vị trí việc làm (VTVL)	Quyết định phê duyệt đề án VTVL và kết quả thực hiện; Quyết định phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm. Báo cáo kết quả hoạt động của đơn vị về thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy, nhân sự (tinh gọn bộ máy, tinh giản số người làm việc).	50
1.3	Thực hiện tự chủ, phân cấp cho các đơn vị thuộc và trực thuộc	Quyết định ban hành phương án tự chủ, báo cáo kết quả thực hiện. Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc; báo cáo kết quả thực hiện.	40
1.4	Chất lượng đội ngũ	Báo cáo về mức độ đạt chuẩn của đội ngũ người lao động theo quy định.	40
1.5	Công tác đào tạo, bồi dưỡng theo VTVL, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, nâng cao trình độ ngoại ngữ.	Quyết định ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và kết quả thực hiện.	30

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
2.	Lĩnh vực: Kế hoạch – Tài chính (Vụ KHTC thẩm định)		200
2.1	Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, kiểm tra tài chính và công khai tài chính		60
	Quy chế chi tiêu nội bộ được rà soát cập nhật hàng năm	Quy chế chi tiêu nội bộ	20
	Công tác kiểm tra tài chính hàng năm theo quy định	Biên bản kiểm tra tài chính	20
	Công khai tài chính hàng năm theo quy định	Quyết định, hoặc thông báo công khai tài chính	20
2.2	Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định		40
	Thực hiện tự chủ về quản lý nguồn thu, định mức chi theo quy định	Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán (nếu có)	20
	Trích lập các Quỹ của đơn vị theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính	Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán (nếu có)	20
2.3	Thực hiện kiến nghị của thanh tra, kiểm toán, thông báo xét duyệt quyết toán hàng năm	Kết quả thực hiện kiến nghị của thanh tra, kiểm toán, thông báo xét duyệt quyết toán hàng năm	40
2.4	Quản lý tài sản công		30
	Ban hành Quy chế quản lý sử dụng tài công của đơn vị theo quy định	Quyết định Ban hành Quy chế quản lý sử dụng tài công của đơn vị	15
	Tổ chức thực hiện quản lý sử dụng tài sản công đúng quy định	Báo cáo quyết toán, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán (nếu có)	15
2.5	Thực hiện mua sắm, đầu tư từ nguồn kinh phí chi thường xuyên		30
	Xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, xây dựng giá gói thầu theo quy định	Hồ sơ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, xây dựng giá gói thầu	15
	Tổ chức thực hiện đấu thầu đúng hồ sơ thầu được duyệt	Hồ sơ, kết quả thực hiện công tác đấu thầu	15
3.	Lĩnh vực: Khoa học, Công nghệ và Môi trường (đối với Viện KHGD, Viện NCTKTH, Viện NCCCT, do Vụ KHCMNT thẩm định)		200
3.1	Xây dựng chiến lược KHCMN trung hạn, kế hoạch KHCMN hàng năm; Có văn bản của đơn vị triển khai văn bản chỉ đạo về KHCMN của Bộ/ngành		30
		Chiến lược KHCMN trung hạn, kế hoạch KHCMN hàng năm được Lãnh đạo ký ban hành.	15

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
		Các văn bản của đơn vị triển khai chỉ đạo của Bộ/ngành về hoạt động KHCN.	15
3.2	Xây dựng được cơ sở dữ liệu về các nhiệm vụ KH&CN của đơn vị và công bố trên website của đơn vị	Danh mục các nhiệm vụ KH&CN (tên nhiệm vụ, CNĐT, thời gian thực hiện, nội dung, sản phẩm, kinh phí) đang thực hiện, đã nghiệm thu, đã thanh lý (được cập nhật hàng năm)	40
		Danh mục các nhiệm vụ KH&CN đưa ra thực hiện và nghiệm thu hàng năm được công bố công khai trên website của đơn vị.	20
			20
3.3	Kết quả nghiên cứu đảm bảo đáp ứng yêu cầu đặt hàng của ngành, được ứng dụng chuyển giao cho đơn vị sử dụng	Bảng tổng hợp danh mục các đề tài được nghiệm thu trong năm học, trong đó có thống kê và đánh giá theo tỷ lệ % các đề tài có kết quả nghiên cứu được chuyển giao cho đơn vị sử dụng. Bản xác nhận kết quả nghiên cứu được chuyển giao cho đơn vị sử dụng, có ý kiến đánh giá và xác nhận của đơn vị sử dụng.	40
3.4	Có bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế và tăng so với năm trước		50
	Có bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước tăng so với năm trước	Thống kê danh mục các bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước được đăng trong năm (có so sánh số liệu với năm trước và có xác nhận của đơn vị) kèm theo đường link của các bài báo được đăng trong năm (nếu có)	30
	Có bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế tăng so với năm trước	Thống kê danh mục các bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế được đăng trong năm (có so sánh số liệu với năm trước và có xác nhận của đơn vị) kèm theo đường link của các bài báo được đăng trong năm (nếu có)	20
3.5	Có hoạt động hợp tác quốc tế về KHCN trong năm và tăng so với năm trước		40
		Thỏa thuận hợp tác đã ký, kế hoạch tổ chức các hoạt động có sự tham gia của đối tác quốc tế (hội thảo, tập huấn...)	20
		Thỏa thuận hợp tác đã ký, hồ sơ thuyết minh dự án/nhiệm vụ KHCN với đối tác quốc tế	20

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
4.	Lĩnh vực: Hợp tác quốc tế (đối với Trung tâm đào tạo khu vực của SEAMEO; Trung tâm khu vực về học tập suốt đời của SEAMEO, do Cục HTQT thẩm định)		200
4.1	Xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế trung hạn, hàng năm		40
	Kế hoạch hợp tác quốc tế trung hạn	Kế hoạch hợp tác quốc tế trung hạn được Lãnh đạo ký ban hành	20
	Kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm	Kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm được Lãnh đạo ký ban hành	20
4.2	Thỏa thuận hợp tác với nước ngoài còn hiệu lực; chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài đang trong giai đoạn thực hiện ¹	Danh sách, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện các thỏa thuận hợp tác còn hiệu lực, các chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài đang thực hiện	60
4.3	Chuyên gia/giảng viên/giáo viên người nước ngoài đến làm việc tại đơn vị	Danh sách chuyên gia/giảng viên/giáo viên và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao	50
4.4	Tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, công tác đoàn ra, đoàn vào		50
	Tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế	Danh sách kèm hồ sơ thực hiện việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và báo cáo kết quả hội nghị, hội thảo	25
	Công tác đón đoàn quốc tế vào và cử đoàn đi công tác nước ngoài	Danh sách đoàn ra, đoàn vào, các quyết định đón đoàn, cử đoàn đi nước ngoài và báo cáo kết quả đón đoàn và kết quả các chuyến công tác nước ngoài	25
5.	Lĩnh vực: Thanh tra, kiểm tra (Thanh tra thẩm định)		100
5.1	Bộ máy, nhân sự; chế độ chính sách, điều kiện hoạt động và công tác bồi dưỡng nghiệp vụ đối với người làm công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.	Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức thanh tra nội bộ; quyết định tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm viên chức bộ phận thanh tra; Quy chế chi tiêu nội bộ có quy định hoặc các văn bản quy định của đơn vị ban hành có liên quan tới chế độ, chính sách đối với người làm công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; minh chứng về điều kiện làm việc của bộ phận thanh tra (phòng làm việc, phòng tiếp công dân được trang bị phương tiện làm việc, thiết bị kỹ thuật liên quan, ...).	30

¹ Số lượng từ 1-5: 20 điểm; số lượng từ 6-10: 40 điểm; số lượng trên 10: 60 điểm.

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
		Danh sách người đã được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.	
5.2	Công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra và công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã phê duyệt. Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Minh chứng việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	40
5.3	Thực hiện chế độ báo cáo về công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tham gia hội nghị, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Các báo cáo về công tác thanh tra, công tác tiếp dân, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác phòng, chống tham nhũng theo quy định (báo cáo 3, 6, 9 tháng, báo cáo năm và các báo cáo đột xuất). Văn bản cử người tham gia hội nghị, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.	30
6.	Lĩnh vực: Công tác Văn phòng (Văn phòng thẩm định)		100
6.1	Công tác báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm học và giải pháp trọng tâm của ngành Giáo dục	Báo cáo tổng kết năm học; Báo cáo định kỳ về tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ hàng tháng, hàng quý; Báo cáo đột xuất theo yêu cầu nhiệm vụ Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Quyết định số 1696/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2020, Quyết định số 2559/QĐ-BGDĐT ngày 06/8/2021; Kế hoạch 353/KH-BGDĐT ngày 29/3/2022 của Bộ	30
6.2	Công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo	Website/cổng thông tin điện tử, fanpage chính thức trên mạng xã hội có đăng tải đầy đủ các văn bản chính sách cập nhật của	30

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá
		Bộ GD&ĐT; thông tin cập nhật về các mặt hoạt động của đơn vị; Kết quả hoạt động của đầu mối phụ trách công tác truyền thông: tiếp nhận, tương tác, phối hợp với truyền thông toàn ngành, nâng cao kết quả truyền thông với xã hội; số lượng sự cố truyền thông, báo chí gây ảnh hưởng tiêu cực (nếu có).	
6.3	Công tác cải cách hành chính, văn thư lưu trữ và bảo vệ bí mật nhà nước	Kế hoạch cải cách hành chính của đơn vị và kết quả thực hiện. Kết quả sử dụng Hệ thống eoffice trong giao dịch văn bản điện tử (theo công văn số: 4593/BGDĐT-VP ngày 04/10/2018 của Bộ GD&ĐT). Văn bản quy định về công tác lưu trữ; thực trạng kho lưu trữ của đơn vị; kết quả thực hiện lưu trữ: Thu thập tài liệu; chỉnh lý, xác định giá trị tài liệu; giao nộp tài liệu và lưu trữ lịch sử; tiêu hủy tài liệu hết giá trị; tổ chức sử dụng tài liệu Quy chế/quy định bảo vệ bí mật nhà nước và kết quả thực hiện	40
5 đơn vị cấp Vụ đánh giá 05 đơn vị (Viện KHGDVN, Viện NCTKTH, Viện NCCCT, Trung tâm đào tạo khu vực của SEAMEO; Trung tâm khu vực về học tập suốt đời của SEAMEO)			800
4 đơn vị cấp vụ đánh giá 06 đơn vị (Báo GD&ĐT, Tạp chí Giáo dục, Trung tâm Hỗ trợ đào tạo và Cung ứng nhân lực, BQL các DA Bộ GD&ĐT, Trường CBQLGD TPHCM, NXBGDVN)			600